

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-3-2018
V/v Ly hôn giữa
Chị L và anh N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thanh Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành**

2. Ông **Nguyễn Văn Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Lệ Trinh** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Ng đơn:* Chị **Trần Thị Kim L**, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Ấp 5, xã P, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Thành N**, sinh năm: 1965. Địa chỉ: Ấp 5, xã P, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2018 và trong quá trình xét xử, Ng đơn chị Trần Thị Kim L trình bày: Chị và anh Trần Thành N cưới nhau vào năm 1999, hôn nhân do tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 30/3/1999 tại UBND xã P, huyện C. Sau khi cưới, chị về làm dâu bên gia đình chồng. Theo chị, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, do anh N gia trưởng. Chị thuê nhà trọ và sống ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay. Hiện tại, chị không còn tình cảm với anh N và mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Trần Thanh N, sinh ngày 03/01/2000 và cháu Trần Mỹ D, sinh ngày 08/10/2006. Hiện chị đang nuôi cháu D, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Riêng Trần Thanh N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không có nợ chung.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Thành N trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị Trần Thị Kim L về thời gian tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn và thời gian sống ly thân. Quá trình chung sống giữa anh và chị L có xảy ra mâu thuẫn, anh có đánh vợ nên chị L bỏ nhà đi đã vài lần nhưng theo anh vợ chồng chung sống không có gì mâu thuẫn trầm trọng. Thời gian sống ly thân, anh có thiện chí hàn gắn tình cảm nhưng chị L không đồng ý. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh còn tình cảm với chị L và ly hôn anh sợ sẽ ảnh hưởng đến các con nên anh mong muốn đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Trần Thanh N, sinh ngày 03/01/2000 và cháu Trần Mỹ D, sinh ngày 08/10/2006. Nếu Tòa án cho vợ chồng anh ly hôn thì anh đồng ý theo nguyện vọng của cháu D, nếu cháu D sống cùng chị L thì anh không cấp dưỡng nuôi con. Riêng Trần Thanh N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Trần Thị Kim L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Thành N. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim L và anh Trần Thành N cưới nhau vào năm 1999, hôn nhân do tự nguyện và có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị L nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, do anh N gia trưởng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay. Anh N cho rằng giữa anh và chị L có xảy ra mâu thuẫn, anh có đánh vợ nên chị L bỏ nhà đi đã vài lần nhưng theo anh N, vợ chồng chung sống không có gì mâu thuẫn trầm trọng, anh sợ ảnh hưởng đến các con nên anh không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L và anh N đều thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, anh N có đánh chị L nên chị L bỏ nhà đi đã vài lần, hiện tại cả hai đã sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được hạnh phúc. Chị L cương quyết yêu cầu ly hôn và không mong muốn đoàn tụ vì không còn tình cảm với anh N. Anh N không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn. Hội đồng xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị L yêu cầu được ly hôn với anh N là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị L và anh N có hai con chung tên Trần Thanh N, sinh ngày 03/01/2000 và cháu Trần Mỹ D, sinh ngày 08/10/2006, hiện cháu D đang sống với chị L nên khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D. Xét thấy, chị L yêu cầu nuôi cháu D, anh N đồng ý. Nguyên vọng của cháu D là được sống với mẹ nên phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định, bình thường của cháu D, chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị L. Riêng Trần Thanh N đã trưởng thành nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị L và anh N đều xác định không có tài sản chung nên không đề cập.

[2.4] Về nợ: Chị L và anh N đều xác định không có nợ chung nên không đề cập.

[2.5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Kim L và anh Trần Thành N.

2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Kim L được tiếp tục nuôi con chung là cháu Trần Mỹ D, sinh ngày 08/10/2006. Anh Trần Thành N không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng Trần Thanh N đã trưởng thành nên không đề cập xem xét.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000768 ngày 05/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung